

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3320/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1707/TTr-SNN ngày 17 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm Quyết định này Danh mục 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm 02 thủ tục hành chính thay thế và 01 thủ tục hành

chính bãi bỏ (do được thay thế).

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho thủ tục A.V.1 Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
(Kèm theo Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn						
01	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Phát triển nông thôn Thành phố (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất 	<ul style="list-style-type: none"> Thành phần hồ sơ (theo khoản 1 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP và mục 2b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) gồm: - Giấy Đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố (Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP); - Bản sao Hợp đồng (Contract - nếu có) mua bán hàng hóa (là bản tiếng Việt hoặc bản tiếng

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>lượng sản phẩm hàng hóa;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước 	<p>Anh, nếu là ngôn ngữ khác thì người nhập khẩu phải nộp kèm bản dịch ra tiếng Việt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao Danh mục hàng hóa (Packing List - nếu có); - Bản sao Hóa đơn (Invoice - nếu có) có xác nhận của người nhập khẩu; - Bản sao Vận đơn (Bill of Loading - nếu có) có xác nhận của người nhập khẩu; - Bản sao Tờ khai hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của người nhập khẩu (nếu có); - Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O-Certificate of Origin - nếu có); - Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có); - Chứng nhận lưu hành tự do

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2426/QĐ-BNN-KTHT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đính chính Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	<p>CFS (nếu có);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao chứng chỉ chất lượng (Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức chứng nhận hoặc Chứng thư giám định phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức giám định); - Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).
02	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (áp dụng đối với phương thức kiểm tra chặt) 03 ngày làm việc kể từ	Chi cục Phát triển nông thôn Thành phố (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều 	<p>Thành phần hồ sơ (theo khoản 2 Điều 18 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu (Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) - Bản tự công bố sản phẩm; - 03 (ba) Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu liên tiếp theo phương

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (áp dụng đối với phương thức kiểm tra thông thường)			<p>kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;</p> <p>- Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 2426/QĐ-BNN-KTHT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đính chính Quyết định số</p>	<p>thức kiểm tra chặt đối với các lô hàng, mặt hàng được chuyển đổi phương thức từ kiểm tra chặt sang kiểm tra thông thường (bản chính).</p> <p>- Bản sao Danh mục hàng hóa (Packing List);</p>

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
Lĩnh vực phát triển nông thôn			
1		Kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối	<p>- Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>(Bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu và thủ tục kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu)</p>